

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/DS-ST

Ngày 18-7-2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thành Nghĩa
- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân HUYỆN TP, TỈNH BÐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TP, TỈNH BÐ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN TP, TỈNH BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST- DS, ngày 04 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử số 1139/2023/TB –TA ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Định Thiện Đông, xã Phước Quang, HUYỆN TP, TỈNH BÐ; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tuyết Nh, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc, HUYỆN TP, TỈNH BÐ; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Phú Mỹ 1, xã Phước Lộc, HUYỆN TP, TỈNH BÐ; có mặt.

2. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Định Thiện Đông, xã Phước Quang, HUYỆN TP, TỈNH BÐ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu Th trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết qua việc mua bán gà với nhau, bà có cho bà Lê Thị Tuyết Nh vay mượn tiền để mua bán gà và lo công việc gia đình, cụ thể:

Vào ngày 16-4-2020, bà Trần Thị Thu Th cho bà Lê Thị Tuyết Nh vay số tiền là 200.000.000đồng; hai bên đã viết Giấy mượn tiền đề ngày 16-4-2020; thời hạn vay: 01 (một) năm; không thỏa thuận lãi suất và mục đích vay vì do quen biết trong việc mua bán, thấy hoàn cảnh của bà Nhung khó khăn nên cho vay để làm ăn rồi sau đó trả lại chứ không tính lãi suất vay. Đến hạn trả tiền là ngày 16-4-2021, bà Nhung khát nợ nhiều lần và xin trả dần; bà đòi nhiều lần thì bà Nhung đã trả cho bà 44.000.000đ và còn nợ bà 156.000.000đồng.

Nay bà Trần Thị Thu Th yêu cầu bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Thành K trả lại cho bà số tiền vay gốc là 156.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Lê Thị Tuyết Nh trình bày: Bà với bà Trần Thị Thu Th quen biết nhau qua làm nghề buôn bán gà. Vào năm 2019 vì cần tiền trả nợ tiền mua bán và để kinh doanh mua bán nên bà đã nhiều lần mượn tiền của bà Thảo, tính đến ngày 16-4-2020, bà còn nợ bà Thảo tổng cộng 200.000.000đồng và viết giấy mượn tiền ngày 16-4-2020 như bà Thảo trình bày là đúng; từ năm 2020 đến nay bà đã trả cho bà Thảo được 44.000.000đồng, hiện còn nợ bà Thảo 156.000.000đồng. Nay bà Trần Thị Thu Th yêu cầu bà và chồng bà là ông Nguyễn Thành K trả lại cho bà Thảo số tiền vay gốc là 156.000.000đồng, bà thống nhất trả nợ, tuy nhiên hiện nay bà đang bị đau bệnh nặng, kinh tế gia đình khó khăn không có tiền để trả cho bà Thảo một lần nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu trả nợ từ tháng 8 năm 2023.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đinh Văn T trình bày: Ông thống nhất ý kiến như bà Trần Thị Thu Th trình bày. Yêu cầu vợ chồng bà Nhung, ông Kim phải trả cho vợ chồng ông 156.000.000đồng, làm một lần và không yêu cầu tính lãi. Ông không đồng ý cho bà Nhung, ông Kim trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thành K trình bày: Ông thống nhất ý kiến như bà Lê Thị Tuyết Nh trình bày. Thống nhất vợ chồng ông còn nợ bà Thảo, ông Thuận 156.000.000đồng tiền gốc. Nay bà Thảo, ông Thuận yêu cầu yêu cầu ông và vợ là bà Lê Thị Tuyết Nh trả lại cho bà Thảo, ông Thuận số tiền vay gốc là 156.000.000đồng, ông thống nhất trả nợ, tuy nhiên hiện nay vợ ông là bà Nhung đang bị đau bệnh nặng, kinh tế gia đình khó khăn không có tiền để trả một lần nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu trả nợ từ tháng 8 năm 2023.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72,73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Th. Buộc bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Thành K có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 156.000.000 đồng làm một lần; không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Thành K xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ. Không xem xét về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Thành K trả nợ khoản tiền vay gốc 156.000.000đồng. Tòa án nhân dân HUYỆN TP thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giấy mượn tiền đề ngày 16-4-2020, giữa bà Trần Thị Thu Th và bà Lê Thị Tuyết Nh với thỏa thuận về số tiền vay gốc và thời hạn vay là 01 (một) năm. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất, các bên thừa nhận việc vay mượn với mục đích để mua bán là phù hợp với các quy định của Pháp luật tại các Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Bà Nhung, ông Kim thừa nhận có vay của bà Thảo, ông Thuận số tiền gốc 200.000.000đồng, mục đích để kinh doanh mua bán và đã trả cho bà Thảo, ông Thuận số tiền 44.000.000đồng; hiện còn nợ số tiền 156.000.000đồng. Nay bà Thảo, ông Thuận yêu cầu bà Nhung và ông Kim trả lại cho bà Thảo, ông Thuận số tiền vay gốc là 156.000.000đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi; bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Thành K thống nhất trả nợ, tuy nhiên theo ông Kim, bà Nhung vì hiện nay bà Nhung đang bị đau bệnh nặng, kinh tế gia đình khó khăn không có tiền để trả một lần nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu trả nợ từ tháng 8 năm 2023. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định bà Nhung, ông Kim còn nợ bà Thảo, ông Thuận số tiền vay gốc là 156.000.000đồng; bà Thảo, ông Thuận yêu cầu bà Nhung, ông Kim trả nợ 156.000.000đồng làm một lần, không tính lãi là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu của bà Nhung, ông Kim xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ, thời gian bắt đầu trả nợ từ tháng 8 năm 2023, không được bà Thảo, ông Thuận đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nhung, ông Kim phải chịu 7.800.000đồng. Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu Th tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu Th.

Buộc bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Thành K phải trả cho bà Trần Thị Thu Th và ông Đinh Văn T số tiền là 156.000.000đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Thành K phải chịu 7.800.000 đồng.

2.2. Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu Th tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.150.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001380 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN TP, TỈNH BÐ.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TỈNH BÐ;
- Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TP;
- Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN TP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Tú